TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** .

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 -7 -2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; Ông Lê Khải.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2023, về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1988 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông
Bị đơn: Anh Phạm Văn H (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 04/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Thanh T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Thanh T và anh Phạm Văn H kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông dựa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị T và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân rất căng thẳng nên chị T và anh H không còn chung sống từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn H.

-*Về con chung:* Chị Phạm Thị Thanh T và anh Phạm Văn H có 02 con chung là Phạm Đức Thái B, sinh ngày 21/12/2017 và Phạm Bảo C, sinh ngày 05/10/2022. Chị T có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Phạm Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn H, tuy nhiên anh H đều vắng mặt, không trình bày ý kiến, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải; tại phiên tòa, anh H vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Phạm Thị Thanh T chấp hành đúng quy định của pháp luật, anh Phạm Văn H không chấp hành các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tuyên xử chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 02 con chung là Phạm Đức Thái B, sinh ngày 21/12/2017 và Phạm Bảo C, sinh ngày 05/10/2022 cho chị Phạm Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Phạm Văn H có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn không có mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Phạm Văn H kết hôn ngày 26/12/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thanh T, sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, lối sống. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị T không còn tình cảm với anh H. Chị T thừa nhận vợ chồng đã không chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẽ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi các con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông nơi chị T và anh H sinh sống cho biết: chị T và anh H không trình báo với chính quyền địa phương về mâu thuẫn của anh chị nên Ban tự quản thôn không nắm được anh chị có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của đại diện VKSND huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thanh T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Phạm Văn H có 02 con chung là Phạm Đức Thái B, sinh ngày 21/12/2017 và Phạm Bảo C, sinh ngày 05/10/2022. Chị T có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu của chị T được nuôi 02 con chung Phạm Đức Thái B và Phạm Bảo C. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T là giáo viên công tác tại Trường Mầm Non S huyện K với mức lương hàng tháng khoảng 9.000.000 đồng, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện nay 02 con chung đang sống cùng với chị T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H nhiều lần nhưng anh H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và

gia đình giao con chung là Phạm Đức Thái B, sinh ngày 21/12/2017 và Phạm Bảo C, sinh ngày 05/10/2022 cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị T, anh H thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 02 con chung là Phạm Đức Thái B, sinh ngày 21/12/2017 và Phạm Bảo C, sinh ngày 05/10/2022 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Phạm Thị Thanh T không yêu cầu anh Phạm Văn H cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn chị T và anh H có các quyền, nghĩa vụ theo các điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003476 ngày 15/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Nhi *(đã ký, đóng dấu)*